TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HSST
Ngày: 30-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà: Nguyễn Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

Ông: Lò Văn Chiên

Bà: Mùng Thị Xanh

-Thư ký phiên toà: Bà: Lù Thị Xuân- Thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên toà: Bà: Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2018/HSST, ngày 09 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐĐVARXX- HS, ngày 18 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Lò Văn L, tên gọi khác: không, sinh năm 1998, tại huyện P, tỉnh L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: bản C, xã K, huyện P, tỉnh L; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn N (đã chết) và bà Lò Thị P, sinh năm 1979; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không, tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/12/2017, đến ngày 29/12/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ; bị cáo được triệu tập có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Anh: Lường Văn C, sinh năm 1996, trú tại: bản C, xã K, huyện P, tỉnh L (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh: Nguyễn Đức H, sinh năm 1993; trú tại: bản K, xã K, huyện P, tỉnh L (vắng mặt).

Những người làm chứng:

1. Anh: Mào Văn V, sinh năm 1998; trú tại: bản P, xã K, huyện P, tỉnh L (vắng mặt).

2. Anh: Pờ Văn H1, sinh năm 1983; trú tại: bản C, xã K, huyện P, tỉnh L (vắng mặt).

3.Anh: Vàng Văn T, sinh năm 2000, trú tại bản N, xã B, huyện P, tỉnh L (vắng mặt); đại diện hợp pháp cho Vàng Văn T là bà Lò Thị T1, sinh năm 1972- mẹ đẻ (vắng mặt).

4. Anh: Lò Ngọc S, sinh năm 1999; trú tại bản H, xã M, huyện P, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 09 tháng 11 năm 2017, Lò Văn L, sinh năm 1998, trú tại bản C, xã K, huyện P, tỉnh L cùng Lường Văn C, sinh năm 1996 và Mã Văn Th, sinh năm 1986 (đều cùng bản với L) đánh bi-a tại quán của Nguyễn Văn T, thuộc bản T, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Quá trình đánh bi-a L mượn được của C một chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime, loại cảm ứng, màu sơn đen nhám để vào mạng xem phim và chơi game. Trong khi Th và C đang chơi bi-a, vào khoảng 22 giờ cùng ngày L nhận được tin nhắn của Mào Văn V, sinh năm 1998, trú tại bản P, xã K, huyện P, tỉnh L rủ đi xã B tìm mua ma túy để sử dụng. Khi V điều khiển xe máy đến đón L, L lên xe V chở và L không trả lại điện thoại cho C. Trên đường đi V hỏi L có tiền không, L nói không có tiền chỉ có điện thoại của C mang đi cầm cố trước đã; V nghe vậy thì bảo L mang điện thoại đến nhà Vàng Văn T, sinh năm 2000 ở bản N, xã B cầm cố. Mào Văn V điều khiển xe chở L đến nhà Vàng Văn T, L cầm cố được 300.000VNĐ và hứa với T trưa hôm sau sẽ chuộc lại. Có tiền L và V đi tìm mua Heroin sử dụng hết. Lường Văn C cùng Mã Văn Th chơi bi-a đến khoảng 01 giờ ngày 10/11/2017 không thấy L về nên C gọi điện cho L thì L nói dối đang trên đường về nhà. C đợi đến khoảng 3-4 giờ sáng không thấy L về trả điện thoại nên về nhà. Khoảng 12 giờ ngày 10/11/2017, Lò Văn L vay 300.000VNĐ của Pờ Văn H, sinh năm 1983 trú cùng bản với L để đi chuộc lại điện thoại. Khi đi chuộc điện thoại L rủ Lò Ngọc S, sinh năm 1999, ở bản H, xã M chở đi đến nhà T để chuộc lại điện thoại. Khoảng 13 giờ cùng ngày L đem chiếc điện thoại đó đến cửa hàng điện thoại của Nguyễn Đức H sinh năm 1993, tạm trú ở bản C, xã K, huyện Phong Thổ cầm cố được 500.000VNĐ. Số tiền nay L đem trả cho H 300.000VNĐ còn 200.000VNĐ L và S

cùng chơi điện tử hết. Sau khi tiêu hết tiền khoảng 16 giờ cùng ngày L rủ S tiếp tục ra quán nhà anh H ứng thêm được 500.000VNĐ rồi cả hai đi lên thành phố tìm việc làm nhưng không được nên quay về xã M tiếp tục chơi điện tử. Cả hai chơi ở bản Đ, xã K đến khoảng 10 giờ ngày 11/11/2017, S hỏi L còn tiền cho S để S mua xăng đổ xe đi về nhà. Lò Văn L bảo S đến quán điện thoại đã cầm cố lấy tiếp 100.000đ và S đến lấy được 100.000VNĐ. Khoảng 20 giờ cùng ngày L tiếp tục đến quán anh H tạm ứng thêm 200.000VNĐ, H đồng ý và nói chỉ cho ứng lần này thôi. Có tiền L lên xã B mua ma túy để sử dụng. Do không có tiền chuộc được điện thoại trả cho anh C nên ngày 26/11/2017, L bỏ đi khỏi địa phương. Anh Lường Văn C không tìm thấy L và không thấy L trả lại điện thoại nên đã trình báo cơ quan điều tra. Đến ngày 12/12/2017 khi L về nhà thì được Cơ quan điều tra mời lên làm việc và L đã khai nhận toàn bộ sự việc.

Bản kết luận định giá tài sản số: 179/HĐĐGTS, ngày 22/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Phong Thổ kết luận: một chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime, loại cảm ứng, màu sơn đen nhám còn trị giá thành tiền là 4.392.000đ (*Bốn triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng)*.

Quá trình điều tra, truy tố tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu là hoàn toàn đúng.

Bản cáo trạng số: 12/KSĐT-SH, ngày 09/01/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Lò Văn L về tội "***Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***" theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự ***(Bộ luật Hình sự viết tắt là BLHS)*** năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giữ quyền công tố tại phiên tòa, luận tội, căn cứ kết quả thẩm tra tại phiên tòa khẳng định quyết định truy tố là đúng cần giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 5 Điều 140 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo; đồng thời đề nghị về án phí, trả chiếc điện thoại cho người bị hại theo Điều 46,47 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình ***(Bộ luật Tố tụng Hình sự viết tắt BLTTHS)*** .

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; bị cáo không tranh luận; được nói lời sau cùng bị cáo ăn năn hối lỗi xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có lý do, còn những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Kiểm sát viên và bị cáo đều nhất trí xét xử vắng mặt họ. Xét việc những người này vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 BLTTHS tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại (từ bút lục số 50 đến 53), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (từ bút lục số 71 đến 74), những người làm chứng (như Mào Văn V bút lục số 56,57; Pờ Văn H bút lục số 85,86; Vàng Văn T bút lục số 62,63,64; Lò Ngọc S từ bút lục số 78 đến 81), biên bản nhân dạng, bản ảnh (bút lục số 60,61, 68,69,70); bản kết luận định giá tài sản số: 179/HĐĐGTS, ngày 22/11/2017 (bút lục số 25,26), lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra (bút lục từ số 31 đến 47), cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, động cơ phạm tội cũng như loại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt được đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ, ngày 09 tháng 11 năm 2017, tại quán bi-a của anh Nguyễn Văn T ở thôn T, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, Lò Văn L mượn được một chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime, loại cảm ứng, màu sơn đen nhám của anh Lường Văn C. Sau khi cầm được điện thoại Lò Văn L đã đem cầm cố để lấy tiền tiêu sài cho bản thân. Do không có tiền chuộc trả lại điện thoại Lò Văn L bỏ đi khỏi địa phương. Trị giá chiếc điện thoại thành tiền là 4.392.000đ *(Bốn triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng).*

Hành vi mượn được tài, sau đó lợi dụng việc đã có tài sản bị cáo đã chiếm đoạt thể hiện ở hành vi đem cầm cố lấy tiền tiêu sài cho cá nhân của bị cáo Lò Văn L chính là hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ sức khỏe, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật vẫn cố ý thực hiện. Như vậy đã đủ kết luận bị cáo Lò Văn L đã phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều

140 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, như cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cụ thể Điều luật quy định *" Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:*

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Ngoài các tình tiết định khung bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hơn nữa tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trên nhưng Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 47 cho bị cáo, bởi lẽ bị cáo có sức khỏe và trình độ nhận thức nhưng lười lao động, bị cáo đang sử dụng ma túy. Do vậy để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành con người làm ăn lương thiện, cũng như có điều kiện cai nghiện, sớm hòa nhập cộng đồng cần buộc bị cáo phải đi tập trung cải tạo một thời gian theo Điều 33 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 mới đủ đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, làm ruộng không có thu nhập ổn định, bản thân bị cáo sử dụng ma túy, sống phụ thuộc vào gia đình nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 140 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: một chiếc điện thoại di động điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime, loại cảm ứng, màu sơn đen nhám (máy đã qua sử dụng) của người bị hại cần trả lại cho người bị hại khi bản án có hiệu lực pháp luật theo khoản 2 Điều 41 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 BLTTHS. (*Vật chứng trên có đặc điểm và hiện đang lưu tại Chi cục thi hành án dân sự huyện theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/01/2018 giữa công an huyện Phong thổ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ*).

Hội đồng xét xử thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận. Tuy nhiên về điều luật áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và xử lý vật chứng của Kiểm sát viên áp dụng BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước 0 giờ, ngày 01 tháng 01 năm 2018 (Ngày BLHS 2015 có hiệu lực). Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng theo BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để giải quyết toàn bộ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trong vụ án này có các đối tượng Mào Văn V, Pờ Văn H, Lò Ngọc S là người đi cùng bị cáo đi cầm cố điện thoại, trong đó có V là người biết đó là điện thoại của C nhưng chỉ nghe L nói mà không biết nguồn gốc do đâu mà có, còn H, S chỉ biết L nói là điện thoại của L nên cả các đối tượng này chỉ là người làm chứng sự việc bị cáo L đi cầm cố điện thoại; đối với Vàng Văn T, Nguyễn Đức H là người nhận cầm cố điện thoại nhưng không biết là tài sản do phạm tội, anh Vàng Văn T đã nhận được tiền nên là người làm chứng, còn anh Nguyễn Đức H chưa nhận được tiền nên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, qua các lời khai và đơn trình bày anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Lò Văn L** phạm tội " *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

2/ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Lò Văn L 12 (*Mười hai*) tháng tù (khấu trừ 18 ngày tạm giam). Vậy bị cáo phải thi hành là 11 (*Mười một*) tháng 12 (*Mười hai*) ngày tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Lò Văn L kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3/ Áp dụng khoản 2 Điều 41 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 BLTTHS trả cho người bị hại anh Lường Văn C, sinh năm 1996, trú tại bản C, xã K, huyện P, tỉnh L một chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime, loại cảm ứng, màu sơn đen nhám (máy đã qua sử dụng).

(Vật chứng trên có đặc điểm và hiện đang lưu tại Chi cục thi hành án dân sự huyện theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/01/2018 giữa Công an huyện Phong Thổ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ).

4/ Áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm 1 mục 1 danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo Lò Văn L phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 331, Điều 333 BLTTHS: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND hai cấp;
- CQĐT cấp huyện;
- Cơ quan THAHS cấp huyện;
- Nhà tạm giữ cấp huyện;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- THADS cấp huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu
-Lưu: THA-HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà